

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giải quyết chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 17/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến;

Căn cứ Quyết định số 29/2016/QĐ-TTg ngày 05/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh chế độ trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong (TNXP) hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 16/4/2012 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 17/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Công văn số 10/SNV-XDCQ ngày 05/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp một lần cho 09 đối tượng (trong đó : 07 đối tượng là cựu TNXP, 02 đối tượng là đại diện thân nhân của TNXP đã tử trận) và trợ cấp hàng tháng cho 01 đối tượng cựu TNXP hưởng trợ cấp theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg (có danh sách kèm theo).

Số tiền đề nghị trợ cấp một lần cho 09 đối tượng hưởng trợ cấp một lần là: 24.700.000đ (Hai mươi tư triệu, bảy trăm nghìn đồng). Số tiền trợ cấp cho mỗi đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng khởi điểm là: 540.000đ (Năm trăm bốn mươi nghìn đồng). Mức trợ cấp hàng tháng cho mỗi đối tượng sẽ được điều chỉnh tương ứng khi Chính phủ điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với đối tượng quy định tại Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội.

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Lục Ngạn, Lục Nam; các ông, bà và thân nhân của các ông, bà có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (SNV 04b);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Hội CTNXP tỉnh;
- Phòng: Nội vụ, LĐ-TB&XH
và Hội CTNXP các huyện trên.
- VP UBND tỉnh:
 - + CVP, TKCT, TH;
 - + Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH

Lê Ánh Dương

DANH SÁCH

Cụu TNXP hưởng trợ cấp một lần theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT | Họ Và tên | Năm sinh | Hộ khẩu thường trú | Đơn vị tham gia | Thời gian tham gia | Mức trợ cấp | Ghi chú |
|-----|-----------------------|----------|---|--------------------|--------------------|-------------|---------|
| | Huyện Lục Nam | | | | | | |
| 1 | Dương Văn Tính | 1951 | TDP 19, TT Đồi Ngô, Lục Nam, Bắc Giang | Hồ cây đa | KXĐTĐG | 2.500.000 | |
| 2 | Nguyễn Thị Minh | 1952 | Thôn Kép, Hồng Giang, Lục Ngạn, Bắc Giang | Hồ cây đa | KXĐTĐG | 2.500.000 | |
| 3 | Ngô Thị Đều | 1950 | Nghĩa Phương, Lục Nam, Bắc Giang | Hồ cây đa | KXĐTĐG | 2.500.000 | |
| 4 | Bùi Thị Chanh | 1951 | Xã Tam Dị, Lục Nam, Bắc Giang | Hồ cây đa | KXĐTĐG | 2.500.000 | |
| 5 | Bùi Thị Hưu | 1943 | Xã Đông Hưng, Lục Nam, Bắc Giang | Tổng đội Thái Bình | KXĐTĐG | 2.500.000 | |
| 6 | Cam Thị Háng | 1948 | Xã Tam Dị, Lục Nam, Bắc Giang | Hồ cây đa | KXĐTĐG | 2.500.000 | |
| | Huyện Lục Ngạn | | | | | | |
| 7 | Nguyễn Đức Dương | 1937 | Thanh Hải, Lục Ngạn, Bắc Giang | 2511 | KXĐTĐG | 2.500.000 | |

DANH SÁCH
Cựu TNXP hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011
của Thủ tướng Chính phủ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT | Họ và tên TNXP | Năm sinh | Nơi đi TNXP | Đơn vị tham gia | Thời gian đi TNXP | Hộ khẩu thường trú | Mức trợ cấp (đồng) | Ghi chú |
|------------|-----------------------|-----------------|-------------------------|------------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------|
| | Huyện Lục Nam | | | | | | | |
| 01 | Lê Thị Tạch | 1945 | Hoàng Hóa, Thanh Hóa | P37, Đội 263 | 1965-1968 | Thôn Ngò, Thanh Lâm | 540.000 | |

DANH SÁCH
Đại diện của TNXP đã từ trần hưởng trợ cấp một lần
theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT | Họ và tên TNXP | Năm sinh | Nơi đi TNXP | Đơn vị tham gia | Thời gian đi TNXP | Họ và tên thân nhân TNXP | Hộ khẩu thường trú | Quan hệ với TNXP | Mức trợ cấp (đồng) |
|-----|-----------------------|----------|-----------------------|-----------------|-------------------|--------------------------|-----------------------|------------------|--------------------|
| | Huyện Lục Nam | | | | | | | | |
| 01 | Phạm Văn Sang | 1950 | Đan Hội, Lục Nam | Hồ Cây đa | 1966 -1969 | Nguyễn Thị Lâm | Thôn Vườn, Đan Hội | Vợ | 3.600.000 |
| | Huyện Lục Ngạn | | | | | | | | |
| 02 | Hoàng Thị Xô | 1949 | Kiên Lao, Lục Ngạn | 2511 | 1966 -1969 | Hoàng Văn Tụ | Kiên Lao, Lục Ngạn | Cháu | 3.600.000 |